

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

GS. TS. Võ Xuân Vinh – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh doanh

1. Thực trạng kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2024 đạt mức 7,09%, vượt xa mức trung bình toàn cầu là 3,2%, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ và khả năng chống chịu tốt của nền kinh tế trong bối cảnh nhiều biến động toàn cầu. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sự mở rộng hoạt động sản xuất, xuất khẩu và đầu tư, cho thấy sự dịch chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào yếu tố lao động sang một nền kinh tế có tính cạnh tranh cao hơn. Việc Việt Nam xếp hạng 71/193 quốc gia trên bảng xếp hạng Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc, tăng 15 bậc so với năm 2022, thể hiện những bước tiến rõ nét trong quá trình chuyển đổi số. Tỷ trọng kinh tế số đạt 18,3% GDP, với tốc độ tăng trưởng hơn 20%/năm, cao nhất khu vực Đông Nam Á, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của công nghệ số trong nền kinh tế. Thị trường thương mại điện tử đạt trên 25 tỷ USD, chiếm 9% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, phản ánh sự chuyên dịch mạnh mẽ của thói quen tiêu dùng cũng như mức độ số hóa của nền kinh tế trong nước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước, phản ánh sự hồi phục ổn định của cầu tiêu dùng nội địa. Khu vực bán lẻ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, với sự gia tăng chi tiêu của người dân là yếu tố thúc đẩy sự mở rộng của ngành dịch vụ và thương mại trong nước. Việc duy trì đà tăng trưởng này có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính bền vững của nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu chính vẫn chịu ảnh hưởng từ các biến động địa chính trị và suy giảm kinh tế toàn cầu.

Giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt 548.569,3 tỷ đồng vào cuối tháng 12, tương đương 72,9% kế hoạch năm, và dự kiến đến cuối tháng 1/2025 đạt 84,47%. Tiến độ giải ngân nhanh hơn so với các năm trước cho thấy nỗ lực của Chính phủ trong việc cải thiện hiệu quả đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Sự gia tăng tốc độ giải ngân vốn đầu tư không chỉ giúp cải thiện hệ thống hạ tầng, mà còn có tác động lan tỏa, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân và thu

hút đầu tư nước ngoài thông qua việc tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

Ngành du lịch tiếp tục chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, với lượng khách du lịch quốc tế đạt 17,5 triệu lượt, tăng 38,9% so với năm trước, trong khi du lịch nội địa đạt 110 triệu lượt. Tổng thu từ du lịch đạt 840 nghìn tỷ đồng, tăng 23,8%, góp phần đáng kể vào tăng trưởng GDP. Việc tăng cường quảng bá du lịch, cải thiện cơ sở hạ tầng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch đã giúp Việt Nam nâng cao khả năng cạnh tranh so với các điểm đến trong khu vực. Sự phục hồi của ngành du lịch không chỉ mang lại nguồn thu lớn mà còn có vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, thúc đẩy các ngành công nghiệp phụ trợ như dịch vụ lưu trú, ẩm thực và vận tải.

Tình hình tài chính công tiếp tục được cải thiện, với thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 2,025 triệu tỷ đồng, trong khi tổng chi ngân sách khoảng 1,83 triệu tỷ đồng. Bội chi ngân sách nhà nước tương đương 3,4% GDP, giảm 10 nghìn tỷ đồng so với dự toán, cho thấy sự kiểm soát hiệu quả hơn trong quản lý thu - chi ngân sách. Việc giảm bội chi ngân sách địa phương góp phần củng cố ổn định tài chính quốc gia, tạo điều kiện cho Chính phủ có dư địa tài khóa nhằm thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế và phát triển hạ tầng trong tương lai.

Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, với tổng kim ngạch thương mại đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD, giúp cán cân thương mại xuất siêu 24,77 tỷ USD. Khu vực kinh tế trong nước đóng góp 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 19,8%, cho thấy sự cải thiện trong năng lực sản xuất của doanh nghiệp nội địa. Trong khi đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đóng góp 71,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 12,3%, tiếp tục đóng vai trò là động lực chính của xuất khẩu.

Tính đến tháng 11/2024, Việt Nam có 41.720 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 303,874 tỷ USD, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm hơn 61%. Các tập đoàn công nghệ hàng đầu như Samsung, Apple, Marvell, NVIDIA và BYD mở rộng nhà máy và trung tâm R&D tại Việt Nam, cho thấy sức hấp dẫn của thị trường và tiềm năng trở thành trung tâm sản xuất công nghệ cao trong khu vực. Tỷ lệ giải ngân FDI tiếp tục tăng, với vốn giải ngân đạt 1,51 tỷ USD vào tháng 1/2025,

tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực FDI xuất khẩu 290,8 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 241,6 tỷ USD, giúp duy trì cán cân thương mại dương và bù đắp phần nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước.

Hiệu quả đầu tư có xu hướng cải thiện đáng kể, thể hiện qua sự giảm sút của hệ số ICOR từ 7,89 lần năm 2023 xuống dưới 5,5 lần năm 2024. Hệ số ICOR thấp hơn phản ánh mức độ sử dụng vốn hiệu quả hơn, giảm sự lãng phí trong đầu tư và nâng cao năng suất nền kinh tế. Đây là một chỉ báo tích cực cho thấy Việt Nam không chỉ gia tăng quy mô đầu tư, mà còn chú trọng nâng cao chất lượng đầu tư, giúp tối ưu hóa lợi ích kinh tế trong dài hạn. Sự cải thiện hiệu quả đầu tư, cùng với chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt, sẽ là những yếu tố quyết định giúp duy trì đà tăng trưởng ổn định và bền vững trong những năm tới.

2. Động lực phát triển kinh tế tại Việt Nam

Bảng 1: Dự báo mức tăng trưởng GDP Việt Nam

Năm	Tăng trưởng GDP	GDP
2024	~7%	455,5 tỷ USD
2025	~8%	482,83 tỷ USD
2026	~10%	511,80 tỷ USD

Chính phủ đặt mục tiêu đầu tư công năm 2025 vượt mức 791.000 tỷ đồng, tương đương 6,4% GDP, với trọng tâm là hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2021 - 2025. Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Cảng hàng không quốc tế Long Thành cùng các công trình giao thông chiến lược khác là những dự án ưu tiên. Việc đưa vào vận hành các dự án này góp phần nâng cao kết nối vùng, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và dịch vụ, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng.

Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng đặt ra yêu cầu giảm dần sự phụ thuộc vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên, chuyển dịch sang phát triển dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết 57 được ban hành nhằm định hướng chiến lược nâng cao năng suất lao động và tạo động lực tăng trưởng dài hạn. Sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cùng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn giúp Việt

Nam nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, từng bước tiệm cận với các nền kinh tế phát triển.

Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn và điện tử giai đoạn 2024 - 2030 đặt mục tiêu đưa quy mô doanh thu ngành bán dẫn vượt 50 tỷ USD/năm, với giá trị gia tăng đạt 15 - 20%. Ngành điện tử hướng đến mức doanh thu trên 485 tỷ USD/năm, khẳng định vị thế Việt Nam trong chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu. Việc thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn và xây dựng hệ sinh thái sản xuất - nghiên cứu phát triển (R&D) sẽ là những yếu tố quan trọng để ngành công nghiệp điện tử và bán dẫn của Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

Chiến lược kinh tế trong giai đoạn tới tập trung phát triển các động lực tăng trưởng mới, với trọng tâm là kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ và thương mại điện tử. Việc đẩy mạnh năng lượng tái tạo, giảm phát thải carbon và ứng dụng mô hình sản xuất bền vững hướng tới mục tiêu trung hòa carbon, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thông qua kinh tế tuần hoàn. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, đồng thời mở rộng quy mô thương mại điện tử, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế số và thúc đẩy sự kết nối trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

3. Thực trạng phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai

3.1. Tăng trưởng kinh tế bền vững, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng hiện đại hóa

Đồng Nai duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 ước đạt 260.200 tỷ đồng, tăng 8,02% so với cùng kỳ, vượt xa chỉ tiêu đặt ra, đứng vị trí thứ 2 trong tứ giác Đông Nam Bộ. Tất cả các chỉ tiêu kinh tế quan trọng như tốc độ tăng trưởng GRDP, thu nhập bình quân đầu người, kim ngạch xuất khẩu, tổng vốn đầu tư phát triển và thu ngân sách đều đạt hoặc vượt mục tiêu của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh. Sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế tiếp tục theo xu hướng công nghiệp hóa với ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 58% tỷ trọng nền kinh tế, dịch vụ đạt 24,7%, trong khi nông nghiệp giảm còn 9,4%. Cơ cấu

này phản ánh sự chuyển đổi sang một nền kinh tế có giá trị gia tăng cao hơn, hạn chế phụ thuộc vào các ngành thâm dụng lao động và khai thác tài nguyên.

3.2. Phát triển công nghiệp và chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,2%, trong đó ngành chế biến, chế tạo giữ vai trò trụ cột, chiếm 90% giá trị sản xuất công nghiệp. Các lĩnh vực có mức tăng trưởng cao gồm thực phẩm, dệt may, hóa chất, dược phẩm và sản phẩm nội thất. Động lực chính cho sự gia tăng sản lượng đến từ việc các doanh nghiệp đẩy mạnh đơn hàng xuất khẩu vào cuối năm, phản ánh nhu cầu tiêu dùng và thương mại toàn cầu phục hồi. Kim ngạch xuất khẩu đạt 23,4 tỷ USD, tăng 8,5%, với các sản phẩm chủ lực như cà phê, hạt điều, hạt tiêu tận dụng hiệu quả sự gia tăng nhu cầu từ thị trường Mỹ và EU. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đạt 16,7 tỷ USD, đưa mức xuất siêu lên 6,7 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, góp phần cân bằng cán cân thương mại và gia tăng nội lực nền kinh tế.

3.3. Đầu tư công và hạ tầng tạo động lực tăng trưởng dài hạn

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 126,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15,16% so với cùng kỳ, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Các dự án trọng điểm như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4, cùng nhiều công trình giao thông chiến lược được đẩy nhanh tiến độ nhằm tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Giải ngân vốn đầu tư công đạt 72,9% vào cuối năm và dự kiến tăng lên 84,47% vào tháng 1/2025, phản ánh quyết tâm cải thiện tốc độ thực hiện dự án, qua đó giảm thiểu tình trạng tồn đọng vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

3.4. Hiện đại hóa nông nghiệp, tối ưu hóa chuỗi giá trị xuất khẩu

Ngành nông nghiệp Đồng Nai chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng với trọng tâm là ứng dụng công nghệ cao và phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ. Việc cấp 18 mã vùng trồng và 7 mã cơ sở đóng gói cho thị trường Trung Quốc đã nâng tổng số vùng trồng đạt chuẩn xuất khẩu lên 189 và 93 cơ sở đóng gói, mở rộng khả năng tiếp cận các thị trường quốc tế khó tính. Những cải tiến trong quy trình sản xuất nông nghiệp không chỉ nâng cao năng suất mà còn giúp nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe từ các đối tác thương mại toàn cầu.

3.5. Gia tăng vai trò của ngành dịch vụ và du lịch trong nền kinh tế

Khu vực dịch vụ tăng trưởng 5,5%, với các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông và vận tải tiếp tục mở rộng. Đáng chú ý, ngành du lịch ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với 3,4 triệu lượt khách, tăng 26%, mang lại doanh thu 2.400 tỷ đồng, tăng 40%. Chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững, kết hợp với chiến lược quảng bá hiệu quả, đã giúp Đồng Nai khai thác tối đa tiềm năng, dần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu GRDP địa phương.

3.6. Gia tăng dòng vốn đầu tư trong nước và FDI

Sự phục hồi mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư trong nước và FDI đang tạo động lực quan trọng giúp Đồng Nai tiến gần hơn đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số vào năm 2025. Tổng vốn đầu tư trong nước năm 2024 đạt 130.700 tỷ đồng, tăng gấp 10,5 lần so với cùng kỳ, nâng lũy kế số dự án còn hiệu lực lên 1.105, với tổng vốn đăng ký đạt 450.900 tỷ đồng. Bên cạnh đó, vốn FDI đến ngày 20/11 đạt 1,418 tỷ USD, tăng 34%, nâng tổng số dự án FDI còn hiệu lực lên 1.685 với giá trị đầu tư 35,15 tỷ USD. Cơ cấu dòng vốn cho thấy sự dịch chuyển sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là sản xuất chất bán dẫn, linh kiện điện tử, cơ khí chế tạo và kim loại đúc sẵn, phản ánh xu hướng nâng cao giá trị gia tăng và giảm dần sự phụ thuộc vào các lĩnh vực thâm dụng lao động. Triển vọng tăng trưởng trong dài hạn sẽ tiếp tục được củng cố nhờ chiến lược thu hút đầu tư có chọn lọc, kết hợp với việc đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng chiến lược nhằm nâng cao khả năng kết nối và tối ưu hóa năng lực logistics.

3.7. Tăng cường năng lực tài khóa, củng cố nguồn lực phát triển

Thu ngân sách nhà nước đạt 58.625 tỷ đồng, vượt 4% so với dự toán, với thu nội địa đạt 40.125 tỷ đồng và thu từ xuất nhập khẩu đạt 18.500 tỷ đồng. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh một số nhóm hàng chịu ảnh hưởng từ chính sách giảm thuế giá trị gia tăng và điều chỉnh thuế nhập khẩu. Việc duy trì ngân sách ở mức ổn định không chỉ giúp tỉnh có đủ nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng mà còn đảm bảo dư địa tài khóa cần thiết để triển khai các chính sách kinh tế - xã hội dài hạn.

3.8. Phân tích SWOT

Điểm mạnh

Đồng Nai sở hữu vị trí chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đóng vai trò là cửa ngõ kết nối TP.HCM với các tỉnh Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện với các tuyến cao tốc quan trọng như TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây, quốc lộ 1A, 20, 51, cùng với các cảng biển và đường sắt, đảm bảo khả năng kết nối kinh tế nội vùng và quốc tế. Sân bay quốc tế Long Thành khi hoàn thành sẽ nâng cao vai trò trung tâm logistics của tỉnh. Ngoài ra, Đồng Nai còn phát triển mạnh các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, năng lượng, cấp thoát nước và xử lý chất thải, tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Với 33 khu công nghiệp đang hoạt động và thu hút nhiều doanh nghiệp FDI, tỉnh là một trong những địa phương có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước. Nguồn nhân lực dồi dào với hơn 3 triệu người, trong đó lực lượng lao động trẻ và tay nghề cao ngày càng tăng, góp phần duy trì lợi thế cạnh tranh trong ngành công nghiệp và sản xuất chế biến.

Điểm yếu

Đồng Nai dù có tốc độ tăng trưởng mạnh nhưng vẫn đối mặt với nhiều hạn chế trong phát triển bền vững. Quy hoạch đô thị chưa đồng bộ, với nhiều khu vực trọng điểm như Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch chưa được phê duyệt quy hoạch chung, gây khó khăn trong thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng. Giải ngân vốn đầu tư công chậm, chỉ đạt 69,01% kế hoạch năm 2024, làm suy giảm hiệu quả kích thích tăng trưởng và hạn chế động lực phát triển kinh tế. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên sâu thấp hơn so với TP.HCM và Bình Dương, làm giảm khả năng thu hút đầu tư công nghệ cao. Đồng thời, áp lực môi trường gia tăng khi công nghiệp hóa nhanh chóng kéo theo ô nhiễm nước, không khí và suy giảm tài nguyên đất. Việc triển khai các dự án hạ tầng giao thông kết nối vùng còn chậm, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của tỉnh so với các địa phương lân cận. Nếu không có giải pháp kịp thời, những hạn chế này có thể làm suy giảm sức hút đầu tư và kìm hãm tăng trưởng trong dài hạn.

Cơ hội

Cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ là động lực phát triển mạnh mẽ trong tương lai, giúp Đồng Nai trở thành trung tâm logistics và thương mại quốc tế, mở ra cơ hội tăng trưởng cho các ngành dịch vụ, du lịch và vận tải hàng không. Xu hướng

phát triển kinh tế số và công nghiệp công nghệ cao đang được tỉnh đẩy mạnh với chiến lược thu hút đầu tư vào sản xuất bán dẫn, linh kiện điện tử, trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa, nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất. Đồng thời, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung thúc đẩy sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo điều kiện cho Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng trở thành điểm đến hấp dẫn của các tập đoàn đa quốc gia. Trong lĩnh vực nông nghiệp, sự hỗ trợ từ chính phủ đối với phát triển nông nghiệp công nghệ cao giúp tỉnh mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản sang Mỹ, EU và Trung Quốc. Ngoài ra, Quy hoạch liên kết vùng Đông Nam Bộ do Chính phủ đề ra cũng mang lại cơ hội cho Đồng Nai trong việc phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, Đồng Nai cũng đối mặt với nhiều thách thức lớn trong quá trình phát triển bền vững. Sự suy thoái kinh tế tại các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ và EU có thể làm chậm tốc độ tăng trưởng công nghiệp và thương mại. Đồng thời, tỉnh phải cạnh tranh gay gắt với Bình Dương, Long An và các địa phương khác trong việc thu hút vốn FDI vào các ngành công nghệ cao, đòi hỏi chính sách đầu tư linh hoạt và môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng do sự gia tăng của các khu công nghiệp và đô thị hóa nhanh chóng, đặt ra yêu cầu cấp thiết trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Một thách thức khác là nguy cơ chậm tiến độ của các dự án hạ tầng trọng điểm như cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường Vành đai 3, sân bay Long Thành, ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư và phát triển kinh tế vùng trong dài hạn. Mục tiêu và định hướng phát triển

4. Mục tiêu và giải pháp phát triển

4.1. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu của tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 là duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình 12,4%/năm, nâng thu nhập bình quân đầu người lên 14.650 USD vào năm 2030. Sự kết hợp giữa phát triển công nghiệp công nghệ cao, đầu tư mạnh vào hạ tầng và tối ưu hóa nguồn nhân lực sẽ là những yếu tố quyết định giúp Đồng Nai không chỉ

tăng trưởng về quy mô kinh tế mà còn nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng đến một mô hình phát triển bền vững và có chiều sâu.

4.2. Giải pháp phát triển

Ngắn hạn

Đồng Nai cần hoàn thiện khung pháp lý, loại bỏ các rào cản thể chế để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế số và thu hút đầu tư. Chính sách cần linh hoạt, bám sát biến động thị trường và xu hướng công nghệ, đảm bảo khả năng thích ứng nhanh và nâng cao hiệu quả quản lý. Sự chuyển đổi từ tư duy bị động sang chủ động trong hoạch định chính sách sẽ giúp tỉnh tận dụng tối đa các cơ hội kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp địa phương trong môi trường toàn cầu.

Tỉnh cần tháo gỡ rào cản đối với đầu tư công, thúc đẩy thu hút nguồn vốn từ FDI, ngân sách nhà nước và khu vực tư nhân nhằm cải thiện kết cấu hạ tầng và mở rộng các khu công nghiệp chiến lược. Bên cạnh đó, cần xây dựng chiến lược thu hút FDI gắn với định hướng công nghệ cao và công nghiệp xanh, tránh phụ thuộc vào mô hình sản xuất thâm dụng lao động. Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đồng Nai cần nói lỏng cơ chế sử dụng nguồn thu ngân sách vượt kế hoạch để đầu tư vào phát triển hạ tầng giao thông, khu công nghiệp hiện đại và các dự án chuyển đổi xanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

Tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), tỉnh cần đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp địa phương. Chiến lược kết nối với các trung tâm kinh tế lớn như TP.HCM, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu cần được triển khai hiệu quả nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng, thúc đẩy phát triển logistics và thương mại dịch vụ.

Chuyển đổi số phải được xem là ưu tiên chiến lược trong quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống kinh tế - xã hội. Việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh sẽ nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa chuỗi giá trị và tạo ra đột phá trong mô hình tăng trưởng. Đồng Nai cần xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và tự động

hóa, đồng thời nâng cao năng lực số hóa trong quản lý hành chính công để cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư có chất lượng.

Dài hạn

Phát triển hạ tầng kinh tế theo hướng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo liên kết vùng và bền vững, bao gồm giao thông, công nghệ thông tin – viễn thông, năng lượng tái tạo, cấp thoát nước và xử lý chất thải. Đẩy mạnh xanh hóa hạ tầng, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm tối ưu hóa hiệu suất và giảm tác động môi trường.

Phát triển hạ tầng xã hội với trọng tâm đầu tư vào y tế, giáo dục, văn hóa và du lịch nhằm nâng cao chất lượng sống và thu hút nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh mô hình đô thị thông minh, xây dựng các trung tâm giáo dục – đào tạo đạt chuẩn quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn.

Xây dựng nền kinh tế đổi mới sáng tạo bằng cách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D), thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo, sản xuất bán dẫn, tự động hóa, blockchain và dữ liệu lớn.

Phát triển mô hình kinh tế xanh và tuần hoàn, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, áp dụng mô hình sản xuất khép kín, giảm thiểu rác thải và khí thải carbon nhằm đảm bảo phát triển bền vững và tăng khả năng hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào lao động kỹ thuật số, công nghệ cao và quản trị doanh nghiệp. Thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời thu hút chuyên gia quốc tế để nâng tầm trình độ lao động địa phương.

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA), phát triển các cụm công nghiệp xuất khẩu, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp nội địa và đẩy mạnh thương mại điện tử xuyên biên giới nhằm tối ưu hóa cơ hội từ nền kinh tế toàn cầu.